

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 682/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ
- Bà Hồ Thị Thanh Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2030/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2890/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trương Thanh M, sinh năm 1983

Địa chỉ: số E đường C, Khu phố A, phường T, thành phố T, (nay là Khu phố F, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1976

Địa chỉ: số E đường C, Khu phố A, phường T, thành phố T, (nay là Khu phố F, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Trương Thanh M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trương Thanh M và ông Nguyễn Đức H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2007 ngày

18/9/2007. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thông cảm, thấu hiểu nhau, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, không trao đổi với nhau trong cuộc sống hàng ngày nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay mặc dù bà và ông H vẫn còn sống chung một nhà, tuy nhiên mỗi người đều có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc nhau, sống chung chủ yếu là để cùng chăm lo cho con. Do không có khả năng hàn gắn tình cảm xây dựng hạnh phúc gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/6/2011. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 14/8/2025; biên bản hòa giải ngày 22/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Về thời gian kết hôn đúng như bà M trình bày. Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng luôn quan tâm yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân vẫn duy trì. Do ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà M nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có con chung đúng như bà M trình bày. Trường hợp bà M kiên quyết ly hôn, để tránh ảnh hưởng đến tâm lý của con, ông đồng ý giao con cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Trương Thanh M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Đức H; ông Nguyễn Đức H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Trương Thanh M được ly hôn ông Nguyễn Đức H; Giao con chung Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/6/2011 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; nợ chung: đương sự khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện, bà Nguyễn Trương Thanh M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức H, nên vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đức H cư trú tại địa chỉ số E đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đức H: Ngày 19/9/2025 ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 108/2007 ngày 18/9/2007 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Trương Thanh M và ông Nguyễn Đức H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Trương Thanh M xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng bà M và ông H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Bà M xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hiện nay tuy sinh sống chung một nhà nhưng bà M và ông H không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2021 cho đến nay. Bản thân bà M và ông H đã phân chia xong tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên cả hai vợ chồng xác định sẽ cùng nhau ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, bà M cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H và có đề

ngợi Tòa án không tiến hành hòa giải đã thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông H không còn. Tại văn bản số 402/UBND - VP ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của bà M, ông H *“Qua kiểm tra, rà soát tại UBND phường, bà Nguyễn Trương Thanh M và ông Nguyễn Đức H không gửi đơn yêu cầu hòa giải các tranh chấp trong quan hệ hôn nhân tại UBND phường. Do đó UBND phường không có cơ sở để trả lời các nội dung theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trương Thanh M được ly hôn với ông Nguyễn Đức H theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Trương Thanh M và ông Nguyễn Đức H phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 203 ngày 11/7/2011 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ xác định bà M và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/6/2011. Khi ly hôn bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ Nguyễn Phúc K. Về cấp dưỡng nuôi con, bà M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không phản đối giao con cho bà M nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Xét, căn cứ yêu cầu của bà M phù hợp với nguyện vọng của con được sống chung với mẹ, hiện tại con đang sống chung với bà M ổn định nên cần giao con cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng là phù hợp, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của con Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí ly hôn, ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trương Thanh M:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trương Thanh M được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2007, quyển 01 ngày 18/9/2007 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/6/2011 cho bà Nguyễn Trương Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Nguyễn Trương Thanh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Đức H không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Trương Thanh M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số

0006780 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND P. T TP . HCM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu